

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8	7:25	22	0		22	0	
2		BK15+P9+TD2	7:25	10+3+8	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
3		P4+TD5	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
4		PPD+BK3	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
5		PVD8+KTRN	9:25	15+4	0+0		15+7	0+0	
6		TTC2+TTC3+TTC1	9:25	8+7+5	0+0+0		7+5+9	0+0+0	
7		RP1+RC4+RP3	9:25	0+0+17	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc4
8		TD2+MRM	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
9		RC3+P2+P8	11:25	0+15+4	0+0+0		1+10+11	0+0+0	chuyen 2 P2-P8
10		BK6+PVD8	11:25	8+10	0+0		13+0	0+0	
11		PPD+P11+P4	13:25	22+0+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
12		PVD8+BK19+P3	13:25	14+4+0	0+0+0		0+1+19	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P4-5ng, P8-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PPD - BK3	CREW: VIỆT - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4407	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	GALIAMOV IM	PPD				2	25	68	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN SƠN	PPD	82	1	6	3	42	59	KHI	Vietnamese
3	BUI HUU LAN	PPD	98	1	4			77	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	45	1	4			70	KHI	Vietnamese
5	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	99	1	9			61	KHI	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	40	1	8			69	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN THANH	PPD	43	1	7			84	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TU	PPD	42	1	5			64	KHI	Vietnamese
9	HOANG MINH HIẾU	PPD	79	1	7			70	KHI	Vietnamese
10	HUYNH NAM LONG	PPD	38	1	7			69	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	96	1	4			63	KHI	Vietnamese
12	PHÙNG VĂN CHINH	PPD	44	1	6			82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN DANH TRUNG	PPD	83-84	2	18			70	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ NGỌC HIỆP	PPD	80-81	2	16	1	9	78	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG THAI	PPD	41	1	4			67	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	100	1	7			51	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	95	1	4			79	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	46	1	3			85	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN BAN	PPD						85	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	600	1	9			67	KHI	Vietnamese
21	HOANG HUY TIEN	PPD	39	1	5			55	KHI	Vietnamese
22	TRẦN SƠN HẢI	PPD	97	1	6			73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.546	22	139	6	76	20		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.546	22	139	6	76	22		
WEIGHT KG			1.546		139		76			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8	CREW: NAM - LINH - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4399	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	499	1	4	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HOÀNG LONG	P8	88	1	5	2	40	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CHÂU NAM	P8	83	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ANH TRI	P8	91-92	2	10			60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TỬ THĂNG	P8	95	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG HIỆN	P8	90	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	89	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ CHINH	P8	82	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU MINH HÙNG	P8	496	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐẠI THIỆU	P8	93	1	3			91	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	81	1	5			72	YTE	Vietnamese
12	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	497	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÂN	P8	94	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ CHÈ LINH	P8	86	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	87	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA ĐẠT*	P8	495	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	498	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	500	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	80	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HUY	P8	84	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	56	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TRUNG	P8	85	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	22	1.557	23	129	3	50	22		
TOTAL		22	1.557	23	129	3	50	22		
WEIGHT KG			1.557		129		50			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P4 - TD5	CREW: XHOÀN - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4403	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN SO	P4	46	1	3			66	XNKT	Vietnamese
2	LE HONG DAI	P4	55	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN BACH DUONG	P4	48	1	5			72	KHI	Vietnamese
4	LE VAN HUONG	P4	47	1	5	1	8	60	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN MINH ĐỨC	P4	45	1	3			99	KHI	Vietnamese
6	TRAN SON NAM	P4	51	1	5			85	KHI	Vietnamese
7	LUONG TUAN CHUNG	P4						73	KHI	Vietnamese
8	PHAM VAN QUYEN	P4	52-53	2	12			78	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P4						80	KHI	Vietnamese
10	ZHURBIN NIKOLAY	P4	51	1	4			94	KHI	Russian
11	TA VAN QUYNH	P4						72	KHI	Vietnamese
12	VU NGOC TUAN	P4	49-50	2	11			81	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CHIEN CONG	P4	54	1	4			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MINH	P4	44	1	3			79	KHI	Vietnamese
15	TRAN KHOA TRUONG	P4	45	1	8			75	NIPI	Vietnamese
16	TRAN VAN LINH	P4						74	NIPI	Vietnamese
17	VU VAN TIEN	P4	43	1	7			66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG THANG	P4	46	1	7			84	PSV	Vietnamese
19	VU XUAN QUY	TD5	77	1	8			103	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUNG HA TAI	TD5	99	1	5	3	50	113	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRONG PHUC	TD5	96-97	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN THUAT	TD5	98	1	10			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	18	1.378	16	82	1	8	17		
2	TD5	4	364	5	35	3	50	5		
TOTAL		22	1.742	21	117	4	58	22		
WEIGHT KG			1.742		117		58			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO: BK15 - P9 - TD2	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG - THỤ	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4411	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	87	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH HAO	BK15	81	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	85	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	86	1	3	2	25	58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	79	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG AN	BK15	88	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
7	LẠI ANH TUẤN	BK15	52	1	14			103	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG LINH	BK15	82	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN DUY KHANH	BK15	83-84	2	22			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SƠN	BK15	80	1	5			72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	P9	87	1	13			78	DVL	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN YẾN	P9	92	1	10			63	DVL	Vietnamese
13	LÊ PHÚ PHÚC	P9	93	1	7			82	DVL	Vietnamese
14	DUƠNG CHI TUYẾN	TD2	98	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	VĂN MINH TẤN	TD2	97	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	TD2	49-50	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ MINH TOÀN	TD2	92-93	2	13	2	35	115	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HÙNG	TD2	94	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TD2	96	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ANH TÙNG	TD2	95	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	TD2	35	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	10	760	11	95	2	25	9		
2	P9	3	223	3	30	0	0	4		
3	TD2	8	581	10	69	2	35	9		
TOTAL		21	1.564	24	194	4	60	22		
WEIGHT KG			1.564		194		60			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

ĐẶNG QUANG KHÁI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PVD8 - KTRN	CREW: NAM - LINH - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4400	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ DUY KHANH	PVD8	78	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN CƯỜNG	PVD8	74-75	2	5			87	KH-THAC	Vietnamese
3	LY BĂNG	PVD8	88	1	8	5	73	74	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐÌNH HUY	PVD8	76-77	2	9			82	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRỌNG LINH	PVD8	73	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỀU TUẤN ANH	PVD8	85-86	2	12			83	DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PVD8	84	1	12	1	24	81	DVL	Vietnamese
8	VŨ VĂN NAM	PVD8	71	1	14			75	DVL	Vietnamese
9	TRƯỜNG MINH KHANH	PVD8	70	1	13			71	DVL	Vietnamese
10	MẠNH TRƯỜNG KHOA	PVD8	87	1	5			75	YTE	Vietnamese
11	LÊ VIỆT TRƯỜNG	PVD8	79	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHƯỚC	PVD8	82	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔNG TRUNG HUY	PVD8	72	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TUẤN	PVD8	80-81	2	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HOANG	PVD8	83	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	KTRN	37	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH VŨ	KTRN	40	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	KTRN	41-42	2	15	2	27	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DÂN	KTRN	38-39	2	10	2	11	64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.144	19	122	6	97	15		
2	KTRN	4	291	6	44	4	38	7		
TOTAL		19	1.435	25	166	10	135	22		
WEIGHT KG			1.435		166		135			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM.2	TO: RP1 - RC4 - RP3	CREW: XHOÀN - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4404	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG THANH HOA	RP3	58	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIEN	RP3	59-60	2	12			81	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUNG	RP3						75	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	RP3	48	1	5			78	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC ANH	RP3	53	1	5			70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TAN	RP3						65	KHI	Vietnamese
7	LANH TRUNG ĐONG	RP3	56	1	4	4	60	68	KHI	Vietnamese
8	HOANG ĐỨC LAM ANH	RP3	52	1	4			76	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN VAO	RP3	54	1	4			78	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CHINH THI	RP3	61	1	4			74	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	46-47	2	7			77	KHI	Vietnamese
12	HOANG VAN CHIEN	RP3	49	1	4			75	KHI	Vietnamese
13	PHẠM DUY DUNG	RP3						75	KHI	Vietnamese
14	PHAN ANH KHANG	RP3	50	1	10	1	12	64	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THE HUY	RP3	62	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG TUYẾN	RP3	57	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN DAT	RP3	55	1	10			87	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	0	0	0	0	2	30	0	0	CHUYEN 1 PAX RP1-RC4
2	RC4	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	RP3	17	1.254	16	100	5	72	19		
TOTAL		17	1.254	16	100	7	102	19		
WEIGHT KG			1.254		100		102			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:02
B.CARD: VANG-2	TO: TD2 - MRM	CREW: VIỆT - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM25/4408		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUU TOAN	TD2	07	1	6	1	2	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	11-13	3	15	1	20	82	YTE	Vietnamese
3	ĐẶNG NAM PHƯƠNG	TD2	99	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH QUANG	TD2	05	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THANH LONG	TD2	92	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN LAM GIANG	TD2	95	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC AN	TD2	93	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN ĐOÀ	TD2	01	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO MINH HOANG	TD2	98	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HUY THÔNG	TD2	14	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	TD2	09	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC DŨNG	TD2	06	1	13			87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NGHỊ	TD2	96-97	2	14			61	QUYẾT TH	Vietnamese
14	PHAN VĂN LUẬT	TD2	02-03	2	11			59	QUYẾT TH	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÒA	TD2	16	1	12	2	14	69	QUYẾT TH	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD2	15	1	4			66	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ KHÁC ĐÀ	TD2	10	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	TD2	08	1	9			67	PSV	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG BẰNG	TD2	700	1	7			74	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	TD2	94	1	3			52	PSV	Vietnamese
21	HOANG TUÂN	TD2	04	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
22	ZHDANOV V.N	MRM	39	1	16			130	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	21	1.466	25	167	4	36	20		
2	MRM	1	130	1	16	0	0	2		
TOTAL		22	1.596	26	183	4	36	22		
WEIGHT KG			1.596		183		36			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

Có 4 pax mang pin sạc dự phòng (Pax số thứ tự: 9, 12, 15, 21)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: TTC2 - TTC3 - TTC1	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG - THỤ	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4412	

No.	PAX:NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ ĐỨC THĂNG	TTC2	57	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THỤC	TTC2	58	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	60	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	59	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHANH HUNG	TTC2	62-63	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM MINH VU	TTC2	66-67	2	15	2	23	78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MINH TAM	TTC2	64-65	2	21	1	20	68	XAYLAP	Vietnamese
8	VU NGOC HUNG	TTC2	61	1	9			60	PSV	Vietnamese
9	BACH ANH TUAN	TTC3	09	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VU HUNG	TTC3	03-04	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TO TIEN DUNG	TTC3	05	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG HAU	TTC3	06-07	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUYNH	TTC3	10	1	8	3	45	73	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN THANH VINH	TTC3	08	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VU NHAT QUANG	TTC3	11	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HUNG TUAN	TTC1	19	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TRUNG THUY	TTC1	20	1	7	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	23-25	3	13			87	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	TTC1	21	1	10			54	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DINH LONG	TTC1	22	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	8	572	11	94	3	43	7		
2	TTC3	7	505	9	53	3	45	5		
3	TTC1	5	345	7	43	2	30	9		
TOTAL		20	1.422	27	190	8	118	21		
WEIGHT KG			1.422		190		118			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
ĐẶNG QUANG KHÁI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 4 A0	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: RC3 - P2 - P8	CREW: HUNG - NPHÚ - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4401	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÂM QUANG THÀNH	P2	71-72	2	13			89	T-TIN	Vietnamese
2	DOAN THÀNH ĐẠT	P2	69-70	2	20			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	P2	73	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG VĂN THUẬN	P2	62	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG ĐÌNH QUÂN	P2	370	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN NHẠC	P2	65-66	2	12			75	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TÔNG NGUYỄN NAM	P2	50-51	2	17			78	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HÙNG	P2	55	1	16			81	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	MAI VĂN SƠN	P2	53-54	2	17			98	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	NGÔ GIANG LONG	P2	49	1	11			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	P2	52	1	8			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC QUÝ	P2	68	1	8			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÙNG	P2	67	1	14			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P2	64	1	2			72	KHI	Vietnamese
15	LẠI TIẾN DŨNG	P2	45	1	4	2	19	67	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	P2	63	1	13			89	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ XUÂN NAM	P2	47-48	2	19			69	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P8						64	PSV	Vietnamese
19	LÊ CAO HAI	P8	79-80	2	13			65	PSV	Vietnamese
20	HÀ QUỐC VINH	P8	06	1	4			70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	82	1	3			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	0	0	0	0	0	0	1		
2	P2	17	1.231	23	193	2	19	11	2	CHUYEN 2 PAX P2-P8
3	P8	4	252	4	20	0	0	10		
TOTAL		21	1.483	27	213	2	19	22		
WEIGHT KG			1.483		213		19			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK6 - PVD8	CREW: DUONG - SON - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4405	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUONG MINH KIEN	BK6	87	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI ANH TUAN	BK6	92,74	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHANH	BK6	400,01	2	20			52	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN TOAN	BK6	82-83	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHUOC	BK6	72-73	2	16			75	XAYLAP	Vietnamese
6	VO VAN TUNG	BK6	84-85	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
7	LE PHU TOA	BK6	88	1	13	1	18	64	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TÙNG	BK6	75-76	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NAM	BK6	90	1	12			56	XAYLAP	Vietnamese
10	LE ANH TUAN	BK6	80	1	8	1	14	82	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI MINH HAI	PVD8	02	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN THUY	PVD8	97	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUANG	PVD8	800	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	03-04	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	PVD8						70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRAN MINH NHAT	PVD8	90	1	5			71	GETRACO	Vietnamese
17	TANG MINH HIEU	PVD8	98	1	4			77	GETRACO	Vietnamese
18	PHAM THE DUONG	PVD8	99	1	4			58	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN ANH TUAN	PVD8	96	1	4			62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	10	645	16	156	2	32	0		
2	PVD8	9	604	9	44	0	0	14		
TOTAL		19	1.249	25	200	2	32	14		
WEIGHT KG			1.249		200		32			

GRAND TOAL: 1.481 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: PPD - P11 - P4	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4402	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	PPD	52-53	2	14			73	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN KHANH	PPD	91-92	2	14			64	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG TRUNG AN	PPD	94	1	12			69	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐỨC	PPD	60	1	7			56	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH TRUNG	PPD	97	1	9			68	KHI	Vietnamese
6	PHAN HUY TUNG	PPD	93	1	9			61	KHI	Vietnamese
7	TRẦN LUÔNG HIEN	PPD	49	1	4			53	KHI	Vietnamese
8	HOÀNG CÔNG TẠO	PPD	96	1	8			92	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LƯU	PPD	95	1	6			54	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUY	PPD	50	1	6			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	47-48	2	7			53	KHI	Vietnamese
12	VÕ VĂN VIỆT	PPD	500	1	12			57	KHI	Vietnamese
13	HA VĂN CHINH	PPD	51	1	9			77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHÚC	PPD	55	1	9	2	18	97	KHI	Vietnamese
15	DO MINH TÍNH	PPD	59	1	11			98	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN NHƯ THIỆP	PPD	58	1	7			74	KHI	Vietnamese
17	DOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	54	1	7			62	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU BAO	PPD	65	1	14	1	11	62	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐẶNG	PPD	98-99	2	15			66	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SỸ	PPD	61-62	2	13			63	KHI	Vietnamese
21	KHUÔNG VĂN DUẬN	PPD	63-64	2	19			83	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.453	27	212	3	29	10		
2	P11	0	0	0	0	0	0	5		
3	P4	0	0	0	0	4	70	7		
TOTAL		21	1.453	27	212	7	99	22		
WEIGHT KG			1.453		212		99			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỈNH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
ĐẶNG QUANG KHẢI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: HÔNG-4	TO: PVD8 - BK19 - P3	CREW: DUONG - SON - TOAN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/4406	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN QUANG	PVD8	22	1	8	4	16	72	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG MINH	PVD8	23	1	8			71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	PVD8	12	1	13			86	DVL	Vietnamese
4	NHÂM ĐỨC TUẤN	PVD8	21	1	12			71	DVL	Vietnamese
5	DUONG VAN TUAN	PVD8	17	1	10	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI VAN MINH	PVD8	19-20	2	17			50	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN MINH	PVD8	10-11	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TŨ	PVD8	15-16	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THÔNG*	PVD8	09	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐO VĂN BÌNH*	PVD8	13-14	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG MẠNH TUẤN	PVD8	07-08	2	10			68	NHATHAU	Vietnamese
12	TRẦN THIỆN THANH	PVD8	05	1	10	1	13	64	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN TƯỜNG QUÂN	PVD8	28-29	2	10			71	NHATHAU	Vietnamese
14	LÊ TRUNG TUẤN	BK19	25	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	BK19	24	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT DUNG	BK19	19-21	3	16	1	20	61	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK19	22-23	2	15			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	881	19	162	6	45	0		
2	BK19	4	292	7	58	1	20	1		
3	P3	0	0	0	0	1	5	19		
TOTAL		17	1.173	26	220	8	70	20		
WEIGHT KG			1.173		220		70			

GRAND TOAL: 1.463 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN

